

Tăng tỷ trọng

Giá mục tiêu: VNĐ70,600

Tiềm năng tăng/giảm: 15.9%

Giá cổ phiếu (đồng) (31/7/2026)	60,900
Mã Bloomberg	VNM VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	53,257-71,073
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	59,920
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	127,278
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	4,839
Slg CP lưu hành (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,090
Slg CP NN được mua (tr.đv)	1,067
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	100%
Tỷ lệ sở hữu của NN	51.1%
Tỷ lệ freefloat	36.5%
Cổ đông lớn	SCIC (36.0%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
DT thuần (tỷ đồng)	63,646	68,199	71,453
EBITDA đc (tỷ đồng)	12,780	14,241	15,426
LNTT (tỷ đồng)	11,650	12,796	13,678
LNT ĐC (tỷ đồng)	9,410	10,314	10,918
FCF (tỷ đồng)	6,906	5,737	7,505
EPS ĐC (đồng)	4,032	4,419	4,678
DPS (đồng)	4,350	4,350	4,350
BVPS (đồng)	14,682	15,230	16,103
T.trưởng EBITDA (%)	2.24	11.4	8.32
T.trưởng EPS ĐC (%)	0.19	9.60	5.86
Tăng trưởng DPS (%)	0	0	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.1	20.9	21.6
Tỷ suất LNTT (%)	18.3	18.8	19.1
Tỷ suất LNT ĐC (%)	14.8	15.1	15.3
Tỷ lệ LN trả CT (%)	108	98.5	93.0
Nợ thuần/VCSH (%)	25.8	28.8	27.6
ROAE (%)	29.9	33.0	33.3
ROACE (%)	29.9	33.8	35.0
EV/doanh thu (lần)	2.12	2.00	1.91
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.6	9.56	8.84
P/E ĐC (lần)	15.1	13.8	13.0
P/B (lần)	4.15	4.00	3.78
Lợi suất cổ tức (%)	7.14	7.14	7.14

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VNM là công ty sữa lớn nhất Việt Nam. Sản phẩm chính của công ty bao gồm sữa nước, sữa bột, sữa chua, sữa đặc và các sản phẩm khác.

Chuyên viên phân tích

Trần Hương Mỹ

Giám Đốc, Ngành Hàng Tiêu Dùng

my.th@hsc.com.vn

+84 28 3823 3299 Ext. 362

Trương Hồng Kim

Trưởng phòng

kim.thong@hsc.com.vn

+84 24 3933 4693 Ext. 4850

Q2/2026: Lợi nhuận tăng trưởng cao hơn dự báo

- VNM công bố KQKD Q2/2026 tích cực với lợi nhuận thuần tăng 28% so với cùng kỳ đạt 3.167 tỷ đồng trên doanh thu thuần 18,9 nghìn tỷ đồng (tăng 12,5% so với cùng kỳ), lần lượt cao hơn 21,8% và 9,8% so với dự báo của HSC.
- Doanh thu nội địa của công ty mẹ, động lực doanh thu chính, tăng 3,9% so với cùng kỳ đạt 13.353 tỷ đồng, cao hơn mức tăng trưởng của ngành. Tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện lên mức 16,8% nhờ kiểm soát chi phí hiệu quả và quản lý chặt chẽ chi phí quản lý & bán hàng.
- Sau khi giá cổ phiếu tăng 11% trong 1 tháng qua, VNM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 13,3 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 13,9 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 70.600đ (tiềm năng tăng giá 16%).

Sự kiện: Công bố KQKD Q2/2026

VNM công bố KQKD Q2/2026 tích cực, vượt dự báo của HSC. Doanh thu thuần đạt 18,9 nghìn tỷ đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ và cao hơn 9,8% so với dự báo; trong khi đó, lợi nhuận thuần đạt 3.167 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ và vượt 21,8% so với dự báo. So với quý trước, doanh thu thuần và lợi nhuận thuần lần lượt tăng 16,7% và 30,4%.

Tính chung nửa đầu năm 2026, doanh thu thuần tăng 17,9% so với cùng kỳ đạt 35 nghìn tỷ đồng, bằng 51,3% dự báo cả năm 2026 của HSC; trong khi đó, lợi nhuận thuần tăng mạnh 38,4% đạt 5.596 tỷ đồng, bằng 54,3% dự báo cả năm và vượt xa kỳ vọng.

Doanh thu nội địa tiếp tục tăng trưởng ổn định

Doanh thu nội địa của VNM đạt 14,5 nghìn tỷ đồng, tăng 6,6% so với cùng kỳ (tăng 20,2% so với quý trước) và cao hơn 5,4% so với dự báo 13,8 nghìn tỷ đồng của HSC. Cụ thể:

- Doanh thu nội địa của công ty mẹ, nguồn đóng góp doanh thu chính, tăng 3,9% so với cùng kỳ (tăng 17,3% so với quý trước) đạt 13,4 nghìn tỷ đồng, mức cao nhất theo quý kể từ năm 2022. Doanh thu tăng so với cùng kỳ nhờ nhu cầu tiêu dùng phục hồi, hoạt động bán hàng được triển khai hiệu quả và các nhóm sản phẩm cốt lõi của Vinamilk tiếp tục tăng trưởng tích cực, bao gồm sữa nước, sữa chua, sản phẩm dinh dưỡng cho người lớn và sữa công thức cho trẻ em. Tăng trưởng còn được hỗ trợ nhờ việc mở rộng các dòng sản phẩm cao cấp như Green Farm và sản phẩm giàu đạm, cùng hoạt động đổi mới và liên tục ra mắt sản phẩm mới, qua đó giúp đa dạng hóa danh mục và đáp ứng thị hiếu ngày càng thay đổi của người tiêu dùng.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 1/8.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD Q2/2026 và 6 tháng đầu năm 2026, VNM

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	16,748	18,847	12.5%	29,683	34,996	17.9%
Giá vốn hàng bán	(9,744)	(10,643)	9.2%	(17,468)	(19,896)	13.9%
Lợi nhuận gộp	7,005	8,204	17.1%	12,215	15,100	23.6%
Lợi nhuận tài chính	267	279	4.6%	591	511	-13.6%
Chi phí QL&BH	(4,174)	(4,625)	10.8%	(7,774)	(8,809)	13.3%
LNTT	3,096	3,899	25.9%	5,047	6,914	37.0%
Lợi nhuận thuần	2,475	3,167	28.0%	4,043	5,596	38.4%
Tỷ suất lợi nhuận gộp	41.8%	43.5%		41.2%	43.1%	
Chi phí QL&BH / doanh thu	24.9%	24.5%		26.2%	25.2%	
Tỷ suất lợi nhuận thuần	14.8%	16.8%		13.6%	16.0%	

Nguồn: VNM, HSC

- Mộc Châu Milk ghi nhận doanh thu 760 tỷ đồng, giảm 5,7% so với cùng kỳ (tăng 2,4% so với quý trước).
- Doanh thu nội địa khác giảm 19,4% so với cùng kỳ (giảm 10,8% so với quý trước) xuống 403 tỷ đồng.

Mảng kinh doanh quốc tế duy trì đà tăng trưởng tích cực

Doanh thu quốc tế trong Q2/2026 đạt 4.332 tỷ đồng, tăng 39,2% so với cùng kỳ. Các công ty con ở nước ngoài ghi nhận tăng trưởng tích cực, với doanh thu tăng 79,7% so với cùng kỳ đạt 2.200 tỷ đồng, chủ yếu nhờ KQKD nổi bật của Angkor Milk tại Campuchia khi doanh thu tăng hơn gấp đôi (gấp 2,1 lần cùng kỳ); trong khi Driftwood Dairy tại Mỹ tăng nhẹ 3,2%.

Trong khi đó, doanh thu xuất khẩu tăng 13% so với cùng kỳ đạt 2.132 tỷ đồng nhờ nhu cầu tích cực tại Trung Đông, Campuchia và các thị trường khác, bất chấp hoạt động logistic gián đoạn do eo biển Hormuz bị đóng cửa.

Tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện so với cùng kỳ và quý trước

Tỷ suất lợi nhuận gộp cải thiện đáng kể từ mức 41,8% trong Q2/2025 lên 43,5% nhờ sản lượng tiêu thụ tăng, qua đó giúp nâng cao đòn bẩy HĐKD cũng như giúp phân bổ chi phí hiệu quả hơn. Theo đó, chi phí nguyên liệu và nhân công tăng chậm hơn doanh thu. Trong khi đó, chi phí quản lý & bán hàng tiếp tục được kiểm soát tốt, với tỷ lệ chi phí quản lý & bán hàng trên doanh thu giảm từ mức 24,9% trong Q2/2025 và 25,9% trong Q1/2026 xuống 24,5%.

Kết quả là tỷ suất lợi nhuận thuần cải thiện lên mức 16,8%, so với 14,8% trong Q2/2025 và 15% trong Q1/2026.

Duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 70.600đ

Sau khi giá cổ phiếu tăng 11% trong 1 tháng qua, VNM đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 12 tháng tới là 13,3 lần, thấp hơn 0,4 độ lệch chuẩn so với bình quân từ tháng 7/2023 ở mức 13,9 lần. HSC duy trì khuyến nghị Tăng tỷ trọng và giá mục tiêu 70.600đ (tiềm năng tăng giá 16%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần Q2/2026, VNM

Tỷ đồng	Q2/25	Q2/26	So với cùng kỳ	6T25	6T26	So với cùng kỳ
Nội địa	13,614	14,516	6.6%	23,668	26,596	12.4%
Xuất khẩu	1,887	2,132	13.0%	3,507	4,458	27.1%
Các công ty con ở nước ngoài	1,224	2,200	79.7%	2,528	3,943	56.0%

Nguồn: VNM

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Doanh thu	61,783	63,646	68,199	71,453	74,580
Lợi nhuận gộp	25,590	26,209	28,566	30,288	32,018
Chi phí BH&QL	(15,186)	(15,546)	(16,615)	(17,381)	(18,122)
Thu nhập khác	-	-	-	-	-
Chi phí khác	-	-	-	-	-
EBIT	10,405	10,664	11,950	12,908	13,896
Lãi vay thuần	1,111	1,045	957	881	944
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	32.0	(151)	(151)	(151)	(151)
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	52.5	91.9	39.0	40.7	43.3
LN TT	11,600	11,650	12,796	13,678	14,733
Chi phí thuế TNDN	(2,147)	(2,236)	(2,451)	(2,648)	(2,876)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(60.6)	(3.39)	(30.9)	(113)	(189)
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	9,392	9,410	10,314	10,918	11,668
Lợi nhuận thuần ĐC	9,392	9,410	10,314	10,918	11,668
EBITDA ĐC	12,500	12,780	14,241	15,426	16,638
EPS (đồng)	4,023	4,031	4,418	4,676	4,998
EPS ĐC (đồng)	4,024	4,032	4,419	4,678	5,000
DPS (đồng)	4,350	4,350	4,350	4,350	4,350
Sig CP bình quân (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	2,090	2,090	2,090	2,090	2,090

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tiền & tương đương tiền	2,226	1,795	544	440	130
Đầu tư ngắn hạn	23,260	21,355	20,855	20,855	22,855
Phải thu khách hàng	4,793	4,702	5,246	5,626	5,966
Hàng tồn kho	5,687	6,839	7,583	8,032	8,473
Các tài sản ngắn hạn khác	1,588	1,571	1,680	1,757	1,831
Tổng tài sản ngắn hạn	37,554	36,261	35,907	36,710	39,255
TSCĐ hữu hình	11,520	11,618	10,964	12,891	14,525
TSCĐ vô hình	1,030	1,031	961	891	821
Bất động sản đầu tư	53.6	51.8	49.3	46.9	44.4
Đầu tư dài hạn	751	446	446	446	446
Đầu tư vào Cty LD,LK	622	511	511	511	511
Tài sản dài hạn khác	3,518	3,393	5,926	5,522	4,468
Tổng tài sản dài hạn	17,495	17,051	18,857	20,307	20,815
Tổng cộng tài sản	55,049	53,312	54,764	57,018	60,070
Nợ ngắn hạn	9,115	9,394	9,394	9,394	9,394
Phải trả người bán	3,874	3,923	3,963	4,116	4,256
Nợ ngắn hạn khác	4,264	3,146	3,275	3,364	3,445
Tổng nợ ngắn hạn	18,460	18,520	18,810	19,136	19,434
Nợ dài hạn	158	62.9	62.9	62.9	62.9
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	256	246	234	222	210
Nợ dài hạn khác	0.72	0.61	0.61	0.61	0.61
Tổng nợ dài hạn	415	309	297	285	273
Tổng nợ phải trả	18,875	18,829	19,107	19,421	19,707
Vốn chủ sở hữu	32,279	30,685	31,829	33,656	36,233
Lợi ích cổ đông thiểu số	3,896	3,798	3,829	3,941	4,131
Tổng vốn chủ sở hữu	36,174	34,483	35,658	37,597	40,363
Tổng nợ phải trả và VCSH	55,049	53,312	54,764	57,018	60,070
BVPS (đ)	15,445	14,682	15,230	16,103	17,337
Nợ thuần*/(tiền mặt)	7,047	7,662	8,913	9,017	9,327

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
EBIT	10,405	10,664	11,950	12,908	13,896
Khấu hao	(2,095)	(2,116)	(2,291)	(2,518)	(2,741)
Lãi vay thuần	1,111	1,045	957	881	944
Thuế TNDN đã nộp	(2,128)	(1,536)	(2,451)	(2,648)	(2,876)
Thay đổi vốn lưu động	182	(1,968)	(1,102)	(594)	(570)
Khác	(1,979)	(1,653)	(1,749)	(1,408)	(1,351)
LCT thuần từ HĐKD	9,686	8,668	9,897	11,656	12,786
Đầu tư TS dài hạn	(1,742)	(1,762)	(4,160)	(4,151)	(3,552)
Góp vốn & đầu tư	(3,620)	(62.9)	500	0	(2,000)
Thanh lý	149	2,372	0	0	0
Khác	1,473	1,429	1,603	1,483	1,548
LCT thuần từ HĐĐT	(3,739)	1,976	(2,057)	(2,668)	(4,004)
Cổ tức trả cho CSH	(8,160)	(11,264)	(9,091)	(9,091)	(9,091)
Thu từ phát hành CP	722	7.20	0	0	0
Tăng/giảm nợ	796	175	0	0	0
Khác	0	0	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(6,641)	(11,082)	(9,091)	(9,091)	(9,091)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	2,912	2,226	1,795	544	440
LCT thuần trong kỳ	(694)	(438)	(1,251)	(104)	(310)
Ảnh hưởng của tỷ giá	8.33	6.62	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	2,226	1,795	544	440	130
Dòng tiền tự do	7,944	6,906	5,737	7,505	9,234

Các chỉ số tài chính	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	41.4	41.2	41.9	42.4	42.9
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	20.2	20.1	20.9	21.6	22.3
Tỷ suất LNT (%)	15.2	14.8	15.1	15.3	15.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	18.5	19.2	19.2	19.4	19.5
Tăng trưởng doanh thu (%)	2.34	3.02	7.15	4.77	4.38
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	3.55	2.24	11.4	8.32	7.86
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	5.84	0.19	9.60	5.86	6.88
Tăng trưởng EPS (%)	5.98	0.19	9.60	5.86	6.88
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	6.02	0.19	9.60	5.86	6.88
Tăng trưởng DPS (%)	13.0	0	0	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	108	108	98.5	93.0	87.0
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	29.4	29.9	33.0	33.3	33.4
ROACE (%)	28.9	29.9	33.8	35.0	35.4
Vòng quay tài sản (lần)	1.15	1.17	1.26	1.28	1.27
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.93	0.81	0.83	0.90	0.92
Số ngày tồn kho	57.4	66.7	69.8	71.2	72.7
Số ngày phải thu	48.3	45.8	48.3	49.9	51.2
Số ngày phải trả	39.1	38.3	36.5	36.5	36.5
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	22.4	25.8	28.8	27.6	26.5
Nợ/tài sản (%)	17.2	18.2	17.8	17.1	16.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	N/a	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	0.76	0.76	0.68	0.63	0.59
Chỉ số TT hiện thời (lần)	2.03	1.96	1.91	1.92	2.02
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	2.17	2.12	2.00	1.91	1.83
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.7	10.6	9.56	8.84	8.21
P/E (lần)	15.1	15.1	13.8	13.0	12.2
P/E ĐC (lần)	15.1	15.1	13.8	13.0	12.2
P/B (lần)	3.94	4.15	4.00	3.78	3.51
Lợi suất cổ tức (%)	7.14	7.14	7.14	7.14	7.14

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn